

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LEETEE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LEETEE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LEETEE VIET NAM SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LEETEE VN S&T CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107953559

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, ngõ 1295/11/8, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966 822 122

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                               | 4711        |
| 2.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                     | 4723        |
| 3.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                       | 1074        |
| 4.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                              | 1075        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic                                                                                                                                                                                               | 2220        |
| 7.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                               | 1430        |
| 8.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                            | 1623        |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết:<br>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ<br>Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện                                                            | 1629        |
| 10. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                            | 1104        |
| 11. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                       | 1030        |
| 12. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                    | 1040        |
| 13. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                | 1050        |
| 14. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                        | 1061        |
| 15. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                      | 1062        |
| 16. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                      | 1071        |
| 17. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                     | 1079        |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                             | 4620        |
| 19. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                       | 4631        |
| 20. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                | 1702        |
| 21. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                     | 1410        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                   | 1420        |
| 23. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                  | 1621        |
| 24. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                            | 1622        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633(Chính) |
| 27. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                    | 1010        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HÀ DUY LINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011092000001

Ngày cấp: 23/03/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18, ngõ 1295/11/8, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 18, ngõ 1295/11/8, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HÀ DUY LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011092000001

Ngày cấp: 23/03/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18, ngõ 1295/11/8, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 18, ngõ 1295/11/8, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội